TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

-Bản án số: **230/**2023/HNGĐ - ST
-Ngày: 10/5/2023
- V/v: "Xin ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Phạm Văn Tài.**

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông **Nguyễn Văn Bé**

2. Ông **Nguyễn Quốc Thuần**

- *Thư ký phiên tòa:* bà **Cao Thị Thùy Trang** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên toà:* ông **Phạm Minh Thanh** Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 582/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trần Thanh H, sinh năm 1981** (có mặt)

2. Bị đơn: **Võ Thị Thanh T, sinh năm 1988** (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Trần Thanh H trình bày:* Anh và chị T tự nguyện cưới nhau năm 2009, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã xã B, huyện C, tỉnh T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 05/5/2010. Sau khi kết hôn, anh và chị T sống hạnh phúc cho đến tháng 5 năm 2022 giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, cãi nhau nhiều lần, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Anh và chị T đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được nên anh, chị đã ly thân từ tháng 5/2022 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có con chung tên Trần Thanh H, sinh ngày 17/12/2009 và Trần Anh K, sinh ngày 05/9/2014 đang sống với anh. Tại phiên hòa giải, anh và chị T thống nhất giao anh H được trực tiếp nuôi Trần Thanh Hiếu và giao cho chị T trực tiếp nuôi Trần Anh Khoa. Anh, chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con nhưng sau đó anh H có đơn xin thay đổi ý kiến, trong đó anh yêu cầu được nuôi cả 02 con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị T không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh H vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với chị T và yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Trần Thanh Hiếu và Trần Anh Khoa và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn Võ Thị Thanh T trình bày:* Chị thống nhất với lời trình bày của anh H về quá trình kết hôn, đăng ký kết hôn, mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung. Chị đồng ý ly hôn với anh H, chị đồng ý để anh H trực tiếp nuôi Trần Thanh H, chị trực tiếp nuôi Trần Anh K. Anh H và chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, chị T vắng mặt không lý do.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, quá trình hòa giải, bị đơn đồng ý ly hôn chứng tỏ hôn nhân giữa anh, chị không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của anh H, cho anh được ly hôn với chị T. Đối với yêu cầu về con chung: cháu Trần Thanh H và Trần Anh K đang sống với anh H nên anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con; tại phiên tòa, các con cùng có nguyện vọng sống với anh H nên đề nghị Hội đồng xét xử giao anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung; anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Các bên thống nhất không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ để dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định căn cứ quy định tại khoản 2 điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Anh H và chị T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 05/5/2010 nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị T thường trú tại huyện C, tỉnh T. Nay anh H xin ly hôn với chị T, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "xin ly hôn", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C và được xem xét giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và quy định pháp luật có liên quan.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa, anh Hiền vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với chị T vì thời gian qua giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình, cãi nhau nhiều lần, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên đã ly thân từ 5/2022 đến nay.

Xét thấy, mâu thuẫn ban đầu giữa vợ chồng không lớn nhưng anh, chị không tự khắc phục được để kéo dài làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và không có giải pháp nào hàn gắn tình cảm nên anh H xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải và tạo điều kiện về thời gian để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng và tại phiên hòa giải, chị T thuận tình ly hôn. Tại phiên tòa, chị T vắng mặt không đến dự phiên tòa đến lần thứ hai chứng tỏ hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H, cho anh được ly hôn với chị T.

[4] Về con chung: Anh H và chị T có 02 con chung tên Trần Thanh H, sinh ngày 17/12/2009 và Trần Anh K, sinh ngày 05/9/2014. Tại phiên hòa giải, anh H và chị T thống nhất: anh H được trực tiếp nuôi Trần Thanh H và giao cho chị T trực tiếp nuôi Trần Anh K nhưng sau đó anh có đơn xin thay đổi ý kiến, trong đó anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 con chung.

Xét thấy, các con chung đang sống ổn định với anh H, tại phiên tòa, các con cũng có nguyện vọng được sống với anh H do đó để đảm bảo cho các con có cuộc sống ổn định, phát triển toàn diện về mọi mặt, cần giao anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H, giao anh H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là phù hợp quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

[5] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa, chị T vắng mặt, anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh H cùng trình bày anh, chị không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh H phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh H có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng chị T vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

[9] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu của nguyên đơn, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn cũng như yêu cầu nuôi con chung, đề nghị này phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

<u>Xử:</u> Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh H.

1. Về hôn nhân: Anh Trần Thanh H được ly hôn với chị Võ Thị Thanh T.

2. Về con chung:

+ Anh Trần Thanh H được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Trần Thanh Hiếu, sinh ngày 17/12/2009 và Trần Anh Khoa, sinh ngày 05/9/2014;

+ Người không trực tiếp nuôi con chung được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Anh Trần Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo biên lai

thu số 0025413 ngày 30/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Như vậy, anh H đã nộp xong án phí.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh H có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng chị T tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Văn Tài